

Số: **39** /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **20** tháng **12** năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*



Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 192/TTr-STC ngày 03/12/2018, Báo cáo thẩm định số 88/BCTĐ-STP ngày 28/11/2018 của Sở Tư pháp.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Thay đổi các cụm từ “phòng, ban, chi cục” hoặc “phòng, ban” thành “phòng”.

2. Điểm i Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“i. Công chức bị kỷ luật bằng một trong các hình thức từ khiển trách đến cách chức thì không được bổ nhiệm vào các chức vụ cao hơn trong thời gian ít nhất là 01 năm kể từ ngày Quyết định kỷ luật có hiệu lực.”

3. Điểm c Khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c. Có kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính hoặc kế hoạch và đầu tư ít nhất từ 02 năm trở lên.”

4. Tại Điểm b Khoản 4 Điều 3, sửa đổi cụm từ “Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên” thành “Đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.

5. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành: Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Xây dựng, Giao thông, Quản trị kinh doanh.

Riêng đối với Phòng Quản lý ngân sách – Tin học thống kê, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành trên hoặc chuyên ngành công nghệ thông tin. Đối với Văn phòng Sở, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành trên hoặc chuyên ngành Luật, Hành chính.”

6. Điểm a Khoản 3 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“a) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực tài chính và đã có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng ít nhất từ 01 năm trở lên.”

7. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành: Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Xây dựng, Giao thông, Quản trị kinh doanh.

Riêng đối với Phòng Quản lý ngân sách – Tin học thống kê, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành trên hoặc chuyên ngành công nghệ thông tin. Đối với Văn phòng Sở, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành trên hoặc chuyên ngành Luật, Hành chính.”

8. Điểm a Khoản 3 Điều 5 được sửa đổi như sau:

“a) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực tài chính.”

9. Khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Xây dựng, Giao thông, Quản trị kinh doanh.”

10. Điểm a Khoản 3 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực tài chính, hoặc kế hoạch và đầu tư và đã có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng ít nhất từ 01 năm trở lên.”

11. Khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học một trong các chuyên ngành Tài chính, Kinh tế, Kế toán, Xây dựng, Giao thông, Quản trị kinh doanh.”

12. Điểm a Khoản 3 Điều 7 được sửa đổi như sau:

“a) Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác về lĩnh vực tài chính, hoặc kế hoạch và đầu tư.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành:**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2019.

2. Quyết định này bãi bỏ: Điểm i Khoản 1 Điều 3; Điểm c Khoản 2 Điều 3; Điểm b Khoản 4 Điều 3; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 5; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 6; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 7 của Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban

HẢI PHÒNG

hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành././ty

**Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Đoàn ĐBQH HP;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ban Tổ chức TU;
- HĐND Q,H;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Báo HP, Đài PTTH HP, Công báo TP;
- Cổng Thông tin điện tử Hải Phòng;
- CV: TC1, NC;
- Lưu: VT.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng